

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1977

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 231 ấp 1, xã B, thành phố T, Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N chung sống với nhau vào năm 2004, không có tổ chức lễ cưới chỉ gia đình hai bên biết mặt nhau, ngày 31/12/2005 tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến khi bà mang thai đứa con thứ hai thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do ông N là tài xế bên ngoài có quen với người phụ nữ khác, bà đã phát hiện và ông N hứa sẽ làm lại từ đầu. Sau một thời gian thì bà buôn bán làm ăn ông N ghen tuông và đánh bà, thời gian vài tháng sau này thì vợ chồng không còn sống chung nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Diệp Hoàn T, sinh ngày 19/9/2005 và Nguyễn Dương Quang T1, sinh ngày 08/4/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà H theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà H xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy H. Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Diệp Hoàn T, sinh ngày 19/9/2005 và Nguyễn Dương Quang T1, sinh ngày 08/4/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, ông N không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1: Về thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2: Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 21/01/2021 bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho ông Nguyễn Thành N nhưng ông N vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1: Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành N có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/12/2005 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông N tại nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân xã B không nắm rõ nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên không cung cấp được cho Tòa án.

Thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông N là tài xế bên ngoài có quen với người phụ nữ khác, thời gian sau bà H làm ăn buôn bán thì ông N ghen tuông và đánh bà, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cương quyết ly hôn. Về phía ông N, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông N cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông N đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông N vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía ông N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà H nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà H và ông N không còn, tình trạng vợ chồng giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2: Về nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống, bà H và ông N hai con chung tên Nguyễn Diệp Hoàn T, sinh ngày 19/9/2005 và Nguyễn Dương Quang T1, sinh ngày 08/4/2013, hiện nay đang ở cùng với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N không tham gia phiên tòa để xác định nguyện vọng về việc nuôi con của mình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và cũng phù hợp với ý kiến của hai con chung. Vì vậy giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của bà H là tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà H và ông N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình

2.3: Về tài sản chung, nợ chung: bà H xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4: Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Thành N.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai con chung tên Nguyễn Diệp Hoàn T, sinh ngày 19/9/2005 và Nguyễn Dương Quang T1, sinh ngày 08/4/2013 cho bà Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành N không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Thúy H xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004924 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Bà H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- UBND (xã) phường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

